

Số: /QĐ-UBND

Châu Thành, ngày tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc điều chỉnh phân khai kinh phí Đảm bảo xã hội năm 2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy  
định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng Bảo trợ xã hội;*

*Căn cứ Quyết định số 2089/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2019 của  
UBND huyện Châu Thành về việc giao dự toán thu - chi ngân sách Nhà nước  
năm 2020 trên địa bàn huyện Châu Thành;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch Huyện tại  
Tờ trình số 1056/TTr-PTCKH.NS ngày 27 tháng 11 năm 2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh phân khai nguồn kinh phí chi đảm bảo xã hội năm 2020 cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội Huyện, với tổng số tiền là 2.900.000.000 đồng (*hai tỷ, chín trăm triệu đồng*), theo bảng chi tiết đính kèm.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2138/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND huyện Châu Thành.

Giao Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội Huyện có trách nhiệm quản lý và sử dụng kinh phí nêu trên đúng mục đích đồng thời thực hiện lập các hồ sơ, thủ tục, chứng từ thanh, quyết toán theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND Huyện, Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch Huyện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Huyện, Trưởng phòng Phòng Lao động – Thương binh và xã hội Huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND Huyện;
- Lãnh đạo VP;
- NC-KTN, NC-KT, NC-TH;
- Lưu: VT, NC(Th).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phan Thanh Dũng**

## BẢNG ĐIỀU CHỈNH PHÂN KHAI NGUỒN KINH PHÍ ĐẢM BẢO XÃ HỘI NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2020 của UBND Huyện)

ĐVT: đồng.

ST T	NỘI DUNG CHI	KHOẢN	PHÂN KHAI	ĐIỀU CHỈNH	Chênh lệch	GHI CHÚ
A	B	1	2	3	4=3-2	5
<b>I</b>	<b>CHI THĂM HỎI, ĐỘNG VIÊN GIA ĐÌNH CHÍNH SÁCH VÀ QUẢN LÝ NGHĨA TRANG</b>	<b>371</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>0</b>	
1	Tặng quà cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, các đối tượng đang hưởng trợ cấp xã hội và gia đình chính sách nhân dịp Lễ, Tết		550.000.000	549.850.000	-150.000	Chi theo định mức được phê duyệt theo Kế hoạch của UBND Huyện
2	Tổ chức viếng nghĩa trang liệt sĩ nhân dịp Lễ, Tết, Đại hội Đảng		150.000.000	85.167.000	-64.833.000	Theo Kế hoạch phê duyệt của UBND Huyện
3	Phục vụ các đối tượng chính sách đi điều dưỡng theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT/BLĐTBXH-BTC ngày 03/06/2014					Theo Kế hoạch phê duyệt của cấp có thẩm quyền
-	<i>Chi phí thuê xe</i>		<i>30.000.000</i>	<i>8.000.000</i>	<i>-22.000.000</i>	
-	<i>Chi tiền công tác phí (chi phụ cấp lưu trú) cho nhân viên Phòng LĐ-TB&amp;XH phục vụ đối tượng theo địa điểm đi điều dưỡng</i>		<i>20.000.000</i>	<i>12.000.000</i>	<i>-8.000.000</i>	

-	Chi phí khám sức khỏe trước khi đưa đối tượng đi điều dưỡng		10.000.000	5.000.000	-5.000.000	
4	Chi thăm hỏi động viên các gia đình chính sách		100.000.000	2.700.000	-97.300.000	Tràng hoa viêng đám tang đối tượng chính sách
5	Chi cho công tác phục vụ nghĩa trang liệt sĩ Huyện				0	
-	Tiền công nhân viên quản trang		19.200.000	19.200.000	0	
-	Các khoản chi phí phục vụ nghĩa trang (Điện, nước, phân bón, thuốc trừ sâu, công cụ dụng cụ, mé cây, dọn cỏ, mua cờ trang trí, trồng hoa và các khoản chi khác phục vụ chăm sóc nghĩa trang)		30.000.000	35.000.000	5.000.000	
6	Thuê xe chở mẹ VNAH dự lễ truy lãnh danh hiệu mẹ VNAH		5.000.000	1.000.000	-4.000.000	
7	Dự phòng		85.800.000	282.083.000	196.283.000	
<b>II</b>	<b>CHI CỨU TRỢ XÃ HỘI</b>	<b>398</b>	<b>900.000.000</b>	<b>900.000.000</b>	<b>0</b>	
1	Trợ cấp tai nạn lao động hàng tháng cho ông Trần Văn Hiếu theo Quyết định 518/QĐ-UBND-HC ngày 17/4/2007 của UBND tỉnh Đồng Tháp		11.124.000	10.728.000	-396.000	0,6 x 1.490.000đ/tháng x 12 tháng
2	Chi phí quản lý đối tượng tại Phòng LĐ-TB&XH Huyện					

-	<i>Văn phòng phẩm, in ấn biểu mẫu, phiếu lĩnh trợ cấp, danh sách đối tượng chi trả, mua sổ sách, tài liệu, mẫu hồ sơ... phục vụ cho công tác quản lý</i>		25.000.000	25.000.000	0	
-	<i>Thẩm định hồ sơ đề nghị trợ cấp, trợ giúp xã hội</i>		30.000.000	32.000.000	2.000.000	
-	<i>Điều tra, rà soát thống kê số liệu đối tượng</i>		5.000.000	0	-5.000.000	
-	<i>Làm thêm giờ để đảm bảo việc chi trả trợ cấp kịp thời</i>		15.000.000	15.000.000	0	
-	<i>Công tác kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện chính sách của các Xã, Thị trấn</i>		10.000.000	10.000.000	0	
-	<i>Phổ biến chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội cho cán bộ thực hiện chính sách trợ giúp các đối tượng xã hội</i>		5.000.000	0	-5.000.000	
3	<i>Trợ cấp đột xuất (hỗ trợ nhà sập, nhà cháy, trẻ em chết đuối,...)</i>		200.000.000	240.000.000	40.000.000	Theo Quyết định của UBND Huyện
4	<i>Công tác trẻ em</i>				0	
-	<i>Hỗ trợ quà đầu năm học cho trẻ em nghèo</i>		24.000.000	24.000.000	0	
-	<i>Hỗ trợ các em tham dự các hội trại, đưa nhận học bổng cấp Tỉnh</i>		20.000.000	3.780.000	-16.220.000	
-	<i>Tổ chức hội trại cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn cấp Huyện nhân dịp hè và 1/6</i>		24.000.000	0	-24.000.000	Không thực hiện do dịch bệnhCovid

-	Tổ chức, tặng quà Trung thu cho trẻ em nghèo		98.530.000	88.920.000	-9.610.000	
-	Công tác phí cho cán bộ Phòng đưa các em tham dự các lớp tập huấn chuyên môn dành cho công tác trẻ em, chi phí chuyên chở nhận, cấp phát quà cho trẻ em		6.000.000	1.500.000	-4.500.000	
5	Công tác thu gom đối tượng ăn xin trên địa bàn Huyện		1.000.000	0	-1.000.000	
6	Trợ cấp lỡ đường		1.000.000	0	-1.000.000	
7	Tổ chức tháng An toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ trên địa bàn		8.000.000	3.000.000	-5.000.000	
8	Điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn Huyện		20.000.000	20.000.000	0	
9	Thu thập, cập nhật thông tin cung cầu lao động		60.000.000	57.500.000	-2.500.000	
10	Đặt khung bằng và in giấy chúc thọ cho người cao tuổi và khung bằng tổ quốc ghi công trên địa bàn Huyện		87.975.000	111.975.000	24.000.000	
11	Hỗ trợ đối thoại chính sách giảm nghèo		15.200.000	27.400.000	12.200.000	

12	Hỗ trợ người lao động tham gia sàn giao dịch việc làm		33.000.000	23.400.000	-9.600.000	
13	Hoạt động tuyên truyền bình đẳng giới bảo vệ chăm sóc trẻ em và thuê xe chở các đối tượng tham dự hội nghị ở Tỉnh		15.000.000	10.000.000	-5.000.000	
14	Dự phòng		185.171.000	195.797.000	10.626.000	
<b>III</b>	<b>BỔ SUNG VỐN ỦY THÁC CHO VAY CỦA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI HUYỆN</b>	<b>398</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>0</b>	
	<b>TỔNG SỐ (I+II+III)</b>		<b>2.900.000.000</b>	<b>2.900.000.000</b>	<b>0</b>	